

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 426/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:* Ông Phạm Văn K – sinh năm 1965; Địa chỉ: 118/20 đường P, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người yêu cầu:* Bà Phạm Ngọc Đ – sinh năm 1970; Địa chỉ: 118/20 đường P, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 17/1991; Quyền số: 01 do UBND Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/01/1991 thì ông Phạm Văn K và bà Phạm Ngọc Đ là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà Đ thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có hai con chung là Phạm Ngọc Thùy D – sinh năm 1991 và Phạm Minh H – sinh năm 2002. Hai con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Ông K, bà Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông K và bà Đ chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K và bà Phạm Ngọc Đ thuận tình ly hôn.

b/ Về con chung: Có hai con chung là Phạm Ngọc Thùy D – sinh năm 1991 và Phạm Minh H – sinh năm 2002. Hai con chung đã thành niên.

c/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

d/ Về nợ chung: Không có.

đ/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Phạm Văn K và bà Phạm Ngọc Đ chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm Văn K và bà Phạm Ngọc Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0016390 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- UBND P.N, Q.B, Tp.HCM, (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Giấy CNKH số: 17/1991; Quyền số: 01 cấp ngày 21/01/1991;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Hương**

